

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2014/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 10 tháng 12 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản  
sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số 4271/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2015; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2015, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn ngân sách do địa phương quản lý trong kế hoạch 2015 là 403.400 triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư trong cân đối:	370.400 triệu đồng
Trong đó:	
- Vốn cân đối theo tiêu chí:	182.900 triệu đồng;
- Hỗ trợ doanh nghiệp công ích:	1.000 triệu đồng;
- Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất:	186.500 triệu đồng.
b) Vốn xổ số kiến thiết:	33.000 triệu đồng

## 2. Về phạm vi sử dụng nguồn vốn

### a) Đối với nguồn vốn do cấp tỉnh quản lý

Đầu tư cho các ngành lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh khóa V về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011 - 2015. Dành một phần nguồn vốn để bố trí hỗ trợ thực hiện các đề án, nghị quyết của HĐND tỉnh về hỗ trợ xây dựng y tế cơ sở; các thiết chế văn hóa làng, bản; đề án kiên cố hóa trường lớp học; hỗ trợ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn. Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện đề án giảm nghèo bền vững đối với các xã, thôn, bản, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao.

### b) Đối với vốn phân cấp cho các huyện, thành phố, thị xã quản lý

- HĐND tỉnh thực hiện việc phân bổ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí cho các huyện, thành phố, thị xã theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh;

- Bố trí trả nợ theo lộ trình các khoản vay, tạm ứng của các công trình, dự án và đối ứng các dự án ODA do cấp huyện làm chủ đầu tư theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Danh mục các chương trình, dự án đầu tư; vốn đầu tư phân bổ cho từng công trình, dự án và cân đối ngân sách cho các huyện, thành phố, thị xã theo các biểu đính kèm nghị quyết (kèm theo 04 phụ lục, phụ lục III gồm 14 trang).

## 3. Các giải pháp thực hiện

a) Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sau khi có quyết định giao kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh ban hành quyết định triển khai thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 15.

b) Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2012 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và Trái phiếu Chính phủ; khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Thực hiện nghiêm quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014: các Sở, ngành và địa phương để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

c) Khi thanh toán vốn xây dựng cơ bản phải kiên quyết thu hồi vốn ứng trước, nợ tạm ứng vốn xây dựng cơ bản của các chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ quyết toán công trình hoàn thành. Đối với các công trình, dự án đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng các chủ đầu tư không quyết toán theo đúng quy định hoặc không

thanh toán hoàn vốn tạm ứng ngân sách tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2014 thì không bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công mới và không tiếp tục bố trí vốn đối với các công trình chậm thanh toán hoàn trả vốn tạm ứng ngân sách nhà nước trong kế hoạch năm 2015.

d) Tiếp tục tiến hành tái cấu trúc các dự án; sắp xếp, rà soát lại quy mô, các hạng mục, tiến độ thực hiện, nguồn vốn bố trí và hiệu quả đầu tư để đảm bảo cân đối được nguồn vốn thực hiện trong thời gian quy định theo đúng Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, bảo đảm đúng tiến độ giải phóng mặt bằng của các công trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và Trái phiếu Chính phủ.

đ) Thực hiện điều chuyển vốn đối với các dự án đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2015 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2015 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch. Thực hiện rà phá bom mìn theo tiến độ triển khai của dự án để chống lãng phí.

e) Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các Trung tâm Phát triển Quỹ đất tổ chức triển khai thực hiện tốt việc khai thác quỹ đất, tăng nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất như quy định tại Điểm e, Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 22/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của HĐND tỉnh.

f) Triển khai và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

## **Điều 2.**

Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý năm 2015. Chủ động vận động thu hút nguồn lực để tăng nguồn vốn xây dựng cơ bản, tiếp tục bổ sung cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh khóa V về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011 - 2015; xây dựng và trình HĐND tỉnh kỳ họp cuối năm 2015 quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020.

Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hữu Phúc**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**  
**THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2015**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND*  
*ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Số TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch năm 2014	Kế hoạch năm 2015		So sánh KH 2015/ KH 2014 (tính giao) (%)	Ghi chú
			TW giao	Tỉnh giao		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>367.900</b>	<b>303.900</b>	<b>403.400</b>	<b>109.65</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI</b>	<b>337.900</b>	<b>303.900</b>	<b>370.400</b>	<b>109.62</b>	
<b>I</b>	<b>Đầu tư trong cân đối theo tiêu chí</b>	<b>182.900</b>	<b>182.900</b>	<b>182.900</b>	<b>100.00</b>	
1	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	31.000		28.000	90.32	Bổ trí trả 29.500 triệu đồng, trong đó: - NS tỉnh trả: 28.000 triệu đồng - NS huyện trả: 1.500 triệu đồng
2	Chi hoàn trả các khoản tạm ứng ngân sách	3.000		4.500	150.00	Hoàn trả 30% tổng số tạm ứng (16.000 triệu đồng), trong đó: - NS tỉnh trả: 4.500 triệu đồng, - Trung tâm Phát triển Quỹ đất trả: 7.500 triệu đồng. - NSTW trả: 4.000 triệu đồng Chi tiết như Biểu số 2
3	Chi hoàn trả vốn bị TW thu hồi	765		0		
4	Đầu tư trong năm 2015	144.962		150.400	103.75	Cấp tỉnh 60%: cấp huyện 40%
	Trong đó:					
4.1	Tỉnh quản lý	86.977		90.240	103.75	Chi tiết như Biểu số 3
4.2	Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý	57.985		60.160	103.75	Chi tiết như Biểu số 4
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ doanh nghiệp công ích</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>100.00</b>	
<b>III</b>	<b>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>154.000</b>	<b>120.000</b>	<b>186.500</b>	<b>135.09</b>	
1	Tỉnh quản lý	90.700		110.000	121,28	
1.1	Thu tại Thành phố Đông Hà			100.000		

-	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính			10.000		10% tổng thu
-	Đầu tư trong năm 2015			90.000		Chi tiết tại Biểu số 3
1.2	Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu Kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo			10.000		Chi tiết tại Biểu số 3
-	Chi phí đo đạc, vẽ bản đồ địa chính			1.000		10% tổng thu
-	Đầu tư trong năm 2015			9.000		Chi tiết tại Biểu số 3
2	Phân cấp huyện quản lý	63.300		76.500	120.85	Chi tiết tại Biểu số 4
<b>B</b>	<b>XỔ SỐ KIẾN THIẾT</b>	<b>30.000</b>		<b>33.000</b>	<b>110.00</b>	Chi tiết như Biểu số 3

**Phụ lục II**  
**TỔNG HỢP CÁC KHOẢN TẠM ỨNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH ĐẾN 31/12/2014**  
**VÀ CÁC NGUỒN VỐN BỐ TRÍ TRẢ NỢ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Danh mục	Số tạm ứng	Bố trí trả nợ trong năm 2015	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47.146.442</b>	<b>16.000</b>	
<b>I</b>	<b>Ngân sách tập trung</b>	<b>35.646.442</b>	<b>4.500</b>	
1	Đổi ứng cho Tiểu DA: Nâng cấp hệ thống Nam Thạch Hãn thuộc Dự án Thủy lợi Miền Trung (ADB4)	10.000		Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 22/6/2011 của UBND tỉnh
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy lợi Sa Lung	10.420		Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 và số 1951/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của UBND tỉnh (tổng số tạm ứng 16.420 triệu đồng, kế hoạch 2012 và kế hoạch 2013 đã trả 6.000 triệu đồng)
3	Các dự án ODA trên địa bàn tỉnh	1.000		Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 27/9/2012
4	Cầu Cửa Việt	8.000		Công văn số 1545/UBND-CN ngày 24/6/2008 của UBND tỉnh
5	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	6.000		Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của UBND tỉnh
6	Phát triển bền vững du lịch tiểu vùng sông Mê Kông	226.442		Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Đấu giá quyền sử dụng đất</b>	<b>7.500</b>	<b>7.500</b>	
1	Nhà thi đấu đa năng	7.500	7.500	Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 của UBND tỉnh
<b>III</b>	<b>Ngân sách Trung ương</b>	<b>4000</b>	<b>4000</b>	
2	Cầu Sông Hiếu và đường hai đầu cầu	4.000	4.000	Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh

**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI NĂM 2015**  
**Nguồn vốn đầu tư trong cân đối do tỉnh quản lý**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014	Kế hoạch vốn cân đối năm 2015	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
1	2	4	7	8	9	10	11			14
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>2.219.867</b>	<b>1.632.813</b>	<b>828.849</b>	<b>222.240</b>	
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>					<b>841.274</b>	<b>444.858</b>	<b>294.035</b>	<b>90.240</b>	
<b>1</b>	<b>Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư</b>							<b>3.000</b>	<b>2.000</b>	Nhu cầu bố trí CBĐT cho các dự án dự kiến KH trung hạn 2016 - 2020
<b>2</b>	<b>Bố trí vốn quyết toán</b>							<b>4.000</b>	<b>3.500</b>	
<b>3</b>	<b>Nông lâm nghiệp thủy sản</b>					<b>63.683</b>	<b>28.634</b>	<b>7.425</b>	<b>6.957</b>	
	<b>Dự án hoàn thành</b>									
-	DA làng Thanh niên lập nghiệp Hướng Hiệp	Đakrông	150 hộ	10 - 12	380a/TWĐ 30/10/2008	34.027	8.905	5.590	1.134	Chương trình di dân dân 1.950 triệu đồng
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Tuyến kênh tiêu úng Nhan Biều, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	kênh dài 6312,58 m	14 -15	2054/QĐ-UBND 31/10/2013	6.383	5.745	1.800	1.631	
-	Đối ứng các dự án Giống cây trồng vật nuôi và giống thủy sản				Văn bản số 5841/BKHĐT-KTNN ngày 04/9/2014 của Bộ KHĐT					Văn bản số 5841/BKHĐT-KTNN ngày 04/9/2014 của Bộ KHĐT, chỉ hỗ trợ

										phần xây lắp và thiết bị (NSDP phần chi phí QLDA, TV, chi khác và DP)
	Cải tạo Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng và Trại nuôi thực nghiệm giống thủy sản Hiền Lương thuộc Trung tâm giống thủy sản Quảng Trị	Vĩnh Linh			Số 2330/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	9.981	692		692	
	<b>Dự án khởi công mới</b>									
-	Trụ sở Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa	Hướng Hóa	465 m <sup>2</sup>	13 - 14	2052/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	3.831	3.831	15	1.400	Kết luận số 48/HĐND-CTHD ngày 02/4/2014 của Thường trực HĐND tỉnh
-	Dự án nuôi trồng thủy sản hồ nước trung tâm huyện Gio Linh	Gio Linh		15 - 16	2033/QĐ-UBND 21/7/2014	4.900	4.900		1.000	Thông báo số 666-TB-TU ngày 06/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đồng ý về chủ trương)
-	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh	Đông Hà		15 - 17	1887/QĐ-UBND ngày 16/10/2013	4.561	4.561	20	1.100	TB số 162/TB-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh (ưu tiên bố trí vốn để khởi công xây dựng, hoàn thành trong năm 2015)
<b>4</b>	<b>Hạ tầng công nghiệp</b>					<b>33.962</b>	<b>20.000</b>	<b>4.050</b>	<b>2.000</b>	
	<b>Dự án khởi công mới</b>									
-	CSHT Cụm Công nghiệp Đông Ái Tử	Triệu Phong	1,184 km	13-15	1193/QĐ-UBND 05/7/2013	18.969	10.000	2.500	1.000	+ NSTW



-	Kết cấu hạ tầng cụm Công nghiệp Cam Hiếu	Cam Lộ	70 ha	14-16	1861/QĐ-UBND 16/10/2013	14.993	10.000	1.550	1.000	+ NSTW
<b>5</b>	<b>Thương mại - Du lịch</b>					<b>91.297</b>	<b>22.622</b>	<b>14.440</b>	<b>5.500</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>									
-	Chợ khu vực Cửa	Cam Lộ	106 lô	13-15	1541/QĐ-UBND 30/8/2012	6.209	3.000	1.090	500	
-	Chợ thị trấn Cửa Việt	Gio Linh	255 lô quầy	11-14	1077/QĐ-UBND 18/6/2010 1914/QĐ-UBND 21-10-2013	12.384	1.000	7.000	1.000	
-	Chợ Nam Đông, huyện Gio Linh	Gio Linh	159 lô quầy	11-14	1898/QĐ-UBND 19/9/2011	10.960	1.000	3.000	500	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Hỗ trợ GPMB tuyến đường phía Bắc Khu Dịch vụ - Du lịch tổng hợp Gio Hải thuộc Khu dịch vụ - du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt (giai đoạn 2)	Gio Linh	4.703 m	12-15	1746/QĐ-UBND 31/8/2009	37.122	7.122		1.000	Đổi ứng theo Quyết định số 60/QĐ-TTg
-	Chợ Mỹ Chánh	Hải Lăng	1.250 m <sup>2</sup>	14 - 16	2194/QĐ-UBND 25/10/2011 884/QĐ-UBND 09/5/2014	8.531	3.000	1.550	1.000	Vốn đã bố trí từ ngân sách huyện
-	Chợ Kênh, huyện Gio Linh	Gio Linh	1.470 m <sup>2</sup>	14 - 16	2023/QĐ-UBND 31/10/2013	7.393	3.000	1.300	500	Vốn đã bố trí từ ngân sách huyện Công văn số 1932/UBND-TM ngày 16/6/2014
-	Chợ Hải Hòa, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	51 lô quầy	14 - 15	863/QĐ-UBND 22/7/2014	3.642	1.500	500	500	Hỗ trợ trong năm 2016
	<b>Dự án khởi công mới</b>									
-	Chợ Hà Tây, xã Triệu An	Triệu Phong	42 lô quầy	15 - 17	2405/QĐ-UBND 30/10/2014	5.056	3.000		500	

<b>6</b>	<b>Công cộng</b>					<b>11.569</b>	<b>4.900</b>	<b>1.309</b>	<b>1.100</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>									
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng đường Quang Trung TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	1,1 km	12 - 13	876/QĐ-UBND 21/12/2011	2.083	900	450	450	Trả nợ KLHT
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4,6 km	14 - 16	1128/QĐ-UBND ngày 25/6/2013	9.486	4.000	859	650	
<b>7</b>	<b>Giao thông</b>					<b>165.267</b>	<b>64.075</b>	<b>94.940</b>	<b>15.290</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>									
-	Đường liên xã Triệu Tài - Triệu Trung, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.670 m	14 - 15	1990/QĐ-UBND 29/10/2013	5.037	4.500	2.435	1.500	Trả nợ KLHT
-	Đường Phú Lê, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	5,946 km	11 - 14	1225/QĐ-UBND 27/6/2008; 2173/QĐ-UBND 08/11/2012	59.289	5.929	53.100	2.000	Trả nợ KLHT
-	Đường vào xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.108 m	11 - 13	1373/QĐ-UBND 30/7/10 377/QĐ-UBND 04-3-2014	25.537	9.997	18.540	4.500	Trả nợ KLHT
-	Đường vào xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4.015 m	12 - 14	1305/QĐ-UBND 06-7-2011	14.955	4.955	14.365	590	Trả nợ KLHT
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Cầu Khe Lòn, xã Linh Hải	Gio Linh	25 m	14 - 15	2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	5.660	3.030	1.500	700	
-	Dây chuyền kiểm định xe cơ giới số 2	Đông Hà	1.012 m <sup>2</sup>	13 - 15	2040/QĐ-UBND ngày 30/9/2011	25.427	13.664	3.000	2.000	
-	Xây dựng Block vỉa hè, rãnh thoát nước đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.754 m	14 - 16	2000/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	17.800	12.000	2.000	1.500	
	<b>Dự án khởi công mới</b>									

-	Đường vào xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.312 m	14 - 16	1150/QĐ-UBND 13-6-2014	5.733	5.000	0	1.000	
-	Đường vào Khu di tích đình làng Hà Thượng (giai đoạn 2)	Gio Linh	241,54 m	15 - 16	2120/QĐ-UBND 03/10/2014	5.829	5.000		1.500	
<b>8</b>	<b>Văn hóa thể thao, thông tin truyền thông, Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>					<b>27.166</b>	<b>22.281</b>	<b>4.786</b>	<b>6.375</b>	
-	Nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh	Đông Hà			1979/QĐ-UBND ngày 01/10/09	4.281	4.281	3.756	525	
-	Thư viện thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị							450	Thanh toán KLHT
-	Nhà văn hóa truyền thống các dân tộc Vân kiều và Pa Kô, huyện Đakrông	Đakrông	1300 m <sup>2</sup>	12 - 15	1956/QĐ-UBND 23/9/2011	20.737	16.000		1.000	Đổi ứng theo Quyết định số 60/QĐ-TTg
<b>Dự án chuyển tiếp</b>										
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh cho các huyện, thành phố, thị xã	Toàn tỉnh			NQ 05/2009/NQ- HĐND 24/4/2009; NQ 04/2012/NQ- HĐND 13/4/2012				2.700	Hỗ trợ xây dựng NTM. Chi tiết như biểu số 5
-	Nhà văn hóa Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Độ			326/QĐ-UBND 26/3/2013 của UBND huyện Triệu phong	2.148	2.000	1.030	500	
<b>Dự án khởi công mới</b>										
-	Đầu tư phần mềm ứng dụng một cửa điện tử và cơ sở dữ liệu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị				1021/KH-UBND 06/5/2011				1.200	
<b>9</b>	<b>Khoa học công nghệ</b>					<b>20.780</b>	<b>20.780</b>	<b>5.500</b>	<b>5.250</b>	
<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>										

-	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Trị	Đông Hà			162/QĐ-SKH-CT ngày 10/8/2011	780	780	500	250	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Trung tâm phát triển công nghệ sinh học	Đông Hà	1869 m <sup>2</sup>		2116/QĐ-UBND 01/11/2010	20.000	20.000	5.000	5.000	
<b>10</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>					<b>92.925</b>	<b>62.844</b>	<b>45.186</b>	<b>11.924</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</b>									
-	Trường Chính trị Lê Duẩn (Giai đoạn 3)	Đông Hà			2787/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	10.380	5.000	6.156	724	Thanh toán KLHT
-	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	765 m <sup>2</sup>	11 - 13	273a/QĐ-UBND 15/2/2011	5.944	5.944	5.251	700	Thanh toán KLHT
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Nhà học thực hành Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà	3753 m <sup>2</sup>	12 - 15	2630/QĐ-UBND ngày 21/12/2012	24.445	4.000	14.195	1.000	
-	Trường THPT Nguyễn Hữu Thận, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2.500 m <sup>2</sup>	12 - 14	2527/QĐ-UBND 23/12/2010; 362/QĐ-UBND 6/3/2012	18.736	14.480	9.187	1.000	
-	Nhà học thực hành Trường THPT Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.190	13 - 15	1914/QĐ-UBND 07/10/2010	13.729	13.729	5.880	2.000	Vốn xỏ số kiến thiết
-	Giảng đường đa năng Trường THPT Gio Linh	Gio Linh		13 - 15	1277/QĐ-UBND 17/7/2013	5.833	5.833	3.400	1.000	Vốn xỏ số kiến thiết
-	Trường THPT Lâm Sơn Thủy, Hạng mục: san nền, cổng hàng rào, cầu bê tông	Vĩnh Linh		14 - 16	2518/QĐ-UBND 12/12/2013	3.942	3.942	317	1.500	Vốn xỏ số kiến thiết
-	Trường Mầm non thôn Húc Nghi, xã Húc Nghi thuộc DA Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét xã Húc Nghi và các xã lân cận huyện Đakrông	Đakrông	04 phòng học và 04 phòng ở giáo viên		1054/QĐ-UBND 14/8/2012	1.678	1.678	800	800	Đổi ứng theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng theo dự án Di dân Húc Nghi

-	Hỗ trợ trường mầm non đạt chuẩn theo NQ HĐND tỉnh	Toàn tỉnh			13/2010/NQ-HĐND 23/7/2010 của HĐND tỉnh				1.700	Hỗ trợ TMN đạt chuẩn. Chi tiết như biểu số 4
<b>Dự án khởi công mới</b>										
-	Dự án cải tạo, sửa chữa ký túc xá Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà			2322/QĐ-UBND 28/10/2014	3.304	3.304		1.000	
-	Nhà học bộ môn Trường THCS Hải Phú				2439/QĐ-UBND 31/10/2014	4.934	4.934		500	Xổ số kiến thiết
<b>11</b>	<b>Y tế - xã hội</b>					<b>136.864</b>	<b>52.616</b>	<b>23.977</b>	<b>3.844</b>	
<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>										
-	Sửa chữa cơ sở làm việc của Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi tỉnh Quảng Trị	Đông Hà		2014	90/QĐ-SKH-TH ngày 12/6/2013 213/QĐ-SKH-TH 28/10/2014	455	455	260	150	
<b>Dự án hoàn thành</b>										
-	Bệnh viện Đa khoa huyện Đakrông	Đakrông			1844a/QĐ-UBND 30/9/10 và 1753/QĐ-UBND ngày 30/9/2013	20.584	17.257	18.548	644	Thiết bị xử lý rác thải y tế
+	Đường vào khu sản xuất thôn mới đến thôn Hoang xã Hướng Linh	Hướng Hoá		14 - 15	3681/QĐ-UBND 30/10/2013	4.016	4.016	700	500	Vốn chương trình 135
+	Đường giao thông nội thôn Bãi Hà, xã Vĩnh Hà	Vĩnh Linh		14 - 15	3557/QĐ-UBND 21/10/2013	2.000	2.000	700	500	Vốn chương trình 135
+	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn khe Me, xã Linh Thượng	Gio Linh	1200 m	14 - 15	4185/QĐ-UBND 13/9/2013	2.500	2.500	600	500	Vốn chương trình 135
<b>Dự án chuyển tiếp</b>										
-	Nhà khách đón tiếp, phục vụ thân nhân liệt sỹ, đồng đội đi tìm hài cốt liệt sỹ, thăm lại chiến trường	Hướng Hoá	724 m <sup>2</sup>	14 - 16	2018/QĐ-UBND 30/10/2013	5.869	5.000	1.869	1.050	

-	Phòng khám, chữa bệnh Trường Trung cấp Y tế Quảng Trị, giai đoạn 1	Đông Hà	655 m <sup>2</sup>	14 - 16	551/QĐ-UBND ngày 4/5/2013	4.500	2.000	1.300	500	Ngân sách tỉnh đối ứng
<b>12</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>					<b>145.524</b>	<b>96.894</b>	<b>58.280</b>	<b>20.200</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước ngày 31/12/2014</b>									
-	Trụ sở xã Triệu Thành	Triệu Phong	529 m <sup>2</sup>	13 - 14	72a/QĐ-UBND 15/01/2013; 672/QĐ-UBND 09/6/2014	3.400	1.000	500	500	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Trụ sở xã Vĩnh Lâm	Vĩnh Linh	916 m <sup>2</sup>	12 - 15	3177/QĐ-UBND 26/3/2012; 2477/QĐ-UBND 28/9/2012	5.096	2.400	1.800	600	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Trụ sở xã Vĩnh Trường	Gio Linh	382 m <sup>2</sup>	12 - 13	681/QĐ-UBND 26/3/2012	2.702	2.500	600	500	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Trụ sở HĐND - UBND thị trấn Cam Lộ	Cam Lộ	1864,5 m <sup>2</sup>	11 - 13	2686b/QĐ-UBND 20/10/2011	2.485	2.485	1.900	500	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Trụ sở làm việc Báo Quảng Trị và Hội Nhà báo Quảng Trị	Đông Hà	2.087 m <sup>2</sup>	10 - 11	2357/QĐ-UBND 16/11/2009	18.243	13.743	15.040	3.200	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Trụ sở làm việc xã UBND Triệu Thượng huyện Triệu Phong	Triệu Phong			908/QĐ-UBND ngày 18/5/2011; 2555/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 2815/QĐ-UBND 31/12/2013	6.511	1.400		200	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Cải tạo, nâng cấp Kho lưu trữ + Gara xe, Sở Tư pháp	Đông Hà	71 m <sup>2</sup>	2014	46/QĐ-SKH-TH ngày 05/4/2013	515	515	400	100	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Sửa chữa nhà lưu trữ hồ sơ, tài liệu của ngành Tài nguyên và Môi trường	Đông Hà		2014	92/QĐ-SKH-TH, 27/6/2012; 167/QĐ-SKH-TH ngày 14/10/2013	1.225	1.225	1.100	100	Xử lý nợ đọng XDCB

-	Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện Gio Linh	Gio Linh	2.964 m <sup>2</sup>	11 - 13	2408/QĐ-UBND 24/11/09 1003/QĐ-UBND 12/6/2012; 1413/QĐ-UBND ngày 12/8/2013	32.360	24.151	22.955	1.100	Xử lý nợ đọng XDCB
-	Trụ sở Liên đoàn lao động tỉnh	Đông Hà	1435 m <sup>2</sup>	12 - 13	646/QĐ-TLĐ 14/5/2012	8.000	3.000	7.000	1.000	
<b>Dự án hoàn thành</b>										
-	Nâng cấp, mở rộng nhà làm việc Ủy ban MTTQ Việt Nam thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	608 m <sup>2</sup>	13 - 14	2060a/QĐ- UBND 30/10/2012 2316/QĐ-UBND 28/10/2014	5.000	5.000	3.470	1.200	
-	Sửa chữa, chống thấm và sơn tường Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	970m <sup>2</sup>	14 - 15	2020/QĐ-UBND 31/10/2013	2.013	2.013	1.015	800	
<b>Dự án chuyển tiếp</b>										
-	Trụ sở làm việc Ủy MTTQ Việt nam và các đoàn thể huyện Triệu Phong	Triệu Phong	3.000 m <sup>2</sup>	14 - 16	1988/QĐ-UBND 29/10/2013	9.720	5.000	1.000	1.000	
-	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan BQLDA ĐT và XD, Trung tâm Phát triển Cụm Công nghiệp làng nghề và Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Triệu Phong	Triệu Phong	552,49 m <sup>2</sup>	14 - 16	2004/QĐ-UBND 30/10/2013	5.092	3.000	1.000	1.000	
-	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh	Triệu Phong	552,49 m <sup>2</sup>	14 - 16	1932/QĐ-UBND 23/10/2013	3.099	1.599	500	500	
-	Trụ sở xã Triệu Ái	Triệu Phong		14 - 16	2019/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	11.000	5.000		800	
<b>Dự án khởi công mới</b>										
-	Cải tạo, sửa chữa nhà ở của Đội cảnh sát bảo vệ mục tiêu	Đông Hà			187/QĐ-SKH- TH 10/9/2014	940	940		500	2420/UBND-CN ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh





-	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Nhà khách Tỉnh uỷ	Đông Hà	872 m <sup>2</sup>	14 - 16		1.640	1.000	0	1.000	
<b>B</b>	<b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>					<b>1.205.220</b>	<b>1.070.230</b>	<b>453.071</b>	<b>99.000</b>	
<b>1</b>	<b>Thu tại Thành phố Đông Hà</b>					<b>1.063.692</b>	<b>1.008.843</b>	<b>363.130</b>	<b>90.000</b>	
<b>1.1</b>	<b>Bố trí lại theo Văn số 198/HĐND-HCTH ngày 7/10/2014 của HĐND tỉnh và 3551/UBND-NN ngày 9/10/2014</b>					<b>209.446</b>	<b>30.000</b>	<b>46.529</b>	<b>8.000</b>	
-	Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây TP. Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	11 km	12 - 15	1453/QĐ-UBND 05/8/2010	209.446	30.000	46.529	8.000	
<b>1.2</b>	<b>Bố trí cho các công trình do Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư để đầu tư phát triển nguồn quỹ đất</b>					<b>735.216</b>	<b>735.216</b>	<b>132.601</b>	<b>49.000</b>	
	<b>Dự án hoàn thành</b>									
-	Xây dựng CSHT Khu đô thị phía Nam đường 9D, thành phố Đông Hà	Đông Hà	15,97 ha	08 - 11	1536/QĐ-UBND ngày 18/8/2008 1504/QĐ-UBND ngày 24/8/2012	49.674	49.674	46.033	1.000	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Hoàn thiện khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2	Đông Hà	23,0 ha	11 - 15	547/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 902/QĐ-UBND 18/5/2011 825/QĐ-UBND 29/4/2014	14.631	14.631	10.550	2.000	
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	78 ha	12 - 15	1609/QĐ-UBND 05/8/11	334.014	334.014	75.818	32.000	
	<b>Dự án khởi công mới</b>									
-	Khu đô thị Nam sông Vĩnh Phước	Đông Hà	67,8 ha	15 - 19	1907/QĐ-UBND 11/9/2014	289.880	289.880	200	5.000	
-	Khu đô thị tái định cư Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	4,23 ha	15 - 17	2280/QĐ-UBND 27/10/2014	44.880	44.880		8.000	
-	Hạ tầng khu dân cư đô thị khu vực Bộ đội Biên phòng tỉnh	Đông Hà	0,85 ha	15 - 16	213/QĐ-SKH-CT 27/10/2014	2.137	2.137		1.000	

<b>1.2</b>	<b>Bố trí cho các công trình khác của tỉnh</b>					<b>328.476</b>	<b>273.627</b>	<b>230.529</b>	<b>33.000</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</b>								<b>22.300</b>	
-	Cầu Vĩnh Phước	Đông Hà, Triệu Phong	100 m	10 - 13	731/QĐ-UBND 24/4/2008	45.530	19.915	38.115	3.000	Trả nợ KLHT
-	Đường Trường Chinh đoạn từ đường Lê Lợi đến đường QH 16 m phía Tây bãi bồi	Đông Hà	0,559 km	08 - 16	1136/QĐ-UBND ngày 28/5/2007	6.563	6.563	5.441	1.000	
-	Nhà thi đấu Đa Năng	Đ. Hà	2000 chỗ	10 - 14	1749/QĐ-UBND 31/8/09	78.208	78.208	61.326	9.000	Bao gồm hoàn trả tạm ứng NS 7.500 trđ (biểu số 2)
-	Trụ sở HĐND tỉnh	Đông Hà	6.313 m <sup>2</sup>	10 - 14	408/QĐ-UBND 15/03/10; 961/QĐ-UBND 1/6/12	73.210	73.210	67.384	5.500	
-	Trụ sở Sở Nội vụ	Đông Hà	2.993 m <sup>2</sup>	11 - 13	2080/QĐ-UBND 13/10/09 1841/QĐ-UBND 29/09/10; 1493/QĐ-UBND ngày 23/8/2013	26.819	26.819	24.563	1.800	
-	Mở rộng khuôn viên và đầu tư một số hạng mục thuộc công trình Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Trị (giai đoạn 2)	Đông Hà	1200 m <sup>2</sup>	13 - 14	1808/QĐ-UBND 04/10/2012	14.900	14.900	12.050	2.000	
	<b>Dự án hoàn thành</b>								<b>2.500</b>	
-	Nghĩa trang nhân dân thành phố Đông Hà	Đông Hà	8,95 ha	12-14	919/QĐ-UBND 28/5/2012	18.782	7.000	9.782	2.000	
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lý Thường Kiệt và đường Nguyễn Du (đoạn Quốc lộ 1A đến đường Trần Bình Trọng)	Đ. Hà	3.649m	14 - 15	1342/QĐ-UBND 25/10/2011	8.538	3.000	2.000	500	

	<b>Dự án chuyển tiếp</b>								<b>4.700</b>	
-	Mở rộng kéo dài tuyến đường Nam cầu Vĩnh Phước	Đ.Hà	500 m	12 - 14	1755/QĐ-UBND 27/9/12	16.207	16.207	4.868	3.500	
-	Hệ thống điện chiếu sáng đường Lê Duẩn TP Đông Hà (đoạn từ cầu Đông Hà đến đường Lý Thường Kiệt)	Đông Hà	2651 m	14 - 16	1987/QĐ-UBND 29/10/2013	9.420	7.000	4.000	500	
-	Đường nối từ đường Hàm Nghi qua Trường tiểu học Hàm Nghi đến đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà (giai đoạn 2)	Đ.Hà	223 m	14 - 15	2002/QĐ-UBND 30/10/2013	6.291	4.000	1.000	700	
	<b>Dự án khởi công mới</b>								<b>3.500</b>	
-	Đường Lai Phước - Tân Vĩnh, TP Đông Hà	Đông Hà	3,6km	15 - 17	2309/QĐ-UBND 28/10/2014	24.008	16.805		2.000	
-	Đường Nguyễn Bình Khiêm TP Đông Hà	Đông Hà	345m	15 - 17	2004/QĐ-UBND 28/9/2011	14.996	14.996		1.500	
<b>2</b>	<b>Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo</b>					<b>141.528</b>	<b>61.387</b>	<b>89.941</b>	<b>9.000</b>	
	<b>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</b>									
-	Khu tái định cư cho đồng bào dân tộc di dời thực hiện dự án CSHT cụm cửa khẩu mở rộng	Hướng Hoá	70 hộ	11 - 13	1551/QĐ-UBND 3/8/2011 501/QĐ-UBND 24/3/2014	63.277	13.435	49.400	3.000	
-	Tuyến đường RD 07 thuộc Khu Công nghiệp Quán Ngang	Gio Linh	1.960m	11 - 13	668/QĐ-UBND 14/4/2011; 1304/QĐ-UBND 23/7/2013	35.317	5.018	30.947	1.500	
-	Hệ thống thoát nước đường K2 thuộc Khu Công nghiệp Nam Đông Hà	Đông Hà	820m	11 - 13	1952/QĐ-UBND 24/9/2009	9.010	9.010	6.619	500	Trả nợ KLHT
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>									
-	Điện chiếu sáng đường trung tâm tại KCN Quán Ngang	Gio Linh	1,7km	14 - 16	2248/QĐ-UBND 21/10/2014	5.818	5.818	1.260	1.000	
	<b>Dự án khởi công mới</b>									

-	Hệ thống thoát nước thải Khu Công nghiệp Quán Ngang	Gio Linh	7004m	15 - 17	755/QĐ-UBND 07/5/2010	19.642	19.642		2.000	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu Tái định cư Ka Tăng, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hoá	Hướng Hóa			2434/QĐ-UBND 17/6/2014	2.865	2.865		1.000	
<b>C</b>	<b>NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT</b>					<b>173.373</b>	<b>117.725</b>	<b>81.743</b>	<b>33.000</b>	
<b>1</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>					<b>112.749</b>	<b>86.358</b>	<b>46.598</b>	<b>21.833</b>	
	<b>Khởi trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo</b>								<b>3.700</b>	
-	Giảng đường đa năng trường THPT Gio Linh	Gio Linh			1277/QĐ-UBND 17/7/2013	5.833	5.833	3.400	1.400	
-	Nhà học thực hành Trường THPT Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.190	13 - 15	1914/QĐ-UBND 07/10/2010	13.729	13.729	5.880	900	
-	Trường THPT Hướng Phùng, Hướng Hóa	Hướng Hóa			233/QĐ-SKH-VX 30/10/2014	700			500	
-	Hoàn thiện khuôn viên Trường THPT thị xã Quảng Trị (xây dựng cổng, hàng rào, sân vườn; cải tạo, nâng cấp sân bê tông và bồn hoa)	TX Quảng Trị			756/QĐ-UBND 24/10/2013	2.300		500	900	Văn bản 3803/UBND-VX ngày 8/11/13
<b>a)</b>	<b>Hỗ trợ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND tỉnh và trả nợ KCH trường học và nhà công vụ giáo viên</b>					<b>90.187</b>	<b>66.796</b>	<b>36.818</b>	<b>18.133</b>	
	<b>Huyện Hướng Hóa</b>					<b>6.151</b>	<b>4.700</b>	<b>1.000</b>	<b>1.800</b>	
+	Trường Mầm non Bình Minh, Khe Sanh	Khe Sanh		15 - 16	331/QĐ-SKH-VX 29/10/2014	700	700		450	
+	Trường Tiểu học Tân Liên	Tân Thành		14 - 15	3674/QĐ-UBND 30/10/2013	3.451	2.000	1.000	600	
+	Trường THCS Tân Lập	Tân Lập			5208/QĐ-UBND 28/10/2014	2.000	2.000		750	
	<b>Huyện Cam Lộ</b>					<b>15.017</b>	<b>13.797</b>	<b>9.145</b>	<b>1.900</b>	
+	Trường Mầm non Măng Non, xã Cam Thành	Cam Thành	08 phòng	12 - 14	2129/QĐ-UBND 26/11/2011	4.752	4.000	2.995	400	

+	Trường THCS Chế Lan Viên	Cam An	Cải tạo, sửa chữa	12 - 13	2721/QĐ-UBND 31/10/12	2.343	2.000	1.950	300	
+	Trường Mầm non Hoa Phượng	Cam Tuyền		13 - 14	2781/QĐ-UBND 30/10/2012	4.987	4.987	3.500	400	
+	Trường Mầm non Vành Khuyên	Cam An		13 - 15	1878/QĐ-UBND 6/9/2013	2.610	2.610	700	600	
+	Trường Mầm non Sơn Ca	TT Cam Lộ			2260/QĐ-UBND 28/10/2014	325	200		200	
	<b>Huyện Hải Lăng</b>					<b>17.861</b>	<b>16.512</b>	<b>8.200</b>	<b>3.300</b>	
+	Trường Mầm non Hải Phú	Hải Phú	06 phòng học	14 - 16	3435/QĐ-UBND 10/12/2013	4.500	4.500	1.500	1.500	
+	Nhà học bộ môn trường THCS Hải Phú	Hải Phú			2439/QĐ-UBND 31/10/2014	4.934	4.934		1.000	
+	Trường THCS Hải Ba	Hải Ba	06 phòng học	11 - 12	2033/QĐ-UBND 30/9/2011	4.749	3.400	3.800	400	
+	Trường Mầm non Hải Khê	Hải Khê	682 m <sup>2</sup>	12 - 14	1638/QĐ-UBND 13/9/2012	3.678	3.678	2.900	400	
	<b>Huyện Triệu Phong</b>					<b>10.837</b>	<b>6.579</b>	<b>6.358</b>	<b>1.823</b>	
+	Trường THCS Triệu Thuận	Triệu Thuận	06 phòng học	12 - 13	1442a/QĐ-UBND 22/10/2012	4.990	2.500	1.900	1.000	
+	Trường THCS Triệu Đông	Triệu Đông	08 phòng học	11 - 12	923/QĐ-UBND 26/6/2011	2.732	1.832	2.354	350	
+	Trường THCS Triệu Phước	Triệu Phước	09 phòng học	11 - 13	909/QĐ-UBND 14/6/2011	3.115	2.247	2.104	473	
	<b>Huyện Gio Linh</b>					<b>7.536</b>	<b>3.700</b>	<b>3.820</b>	<b>1.910</b>	
+	Trường Mầm non Gio An	Gio An	03 phòng học		212/QĐ-UBND 25/01/2011	1.336	1.000	820	510	
+	Trường Tiểu học Thị trấn Cửa Việt	Gio Linh		11 - 12	1964/QĐ-UBND 28/10/2013	4.700	1.700	3.000	900	
+	Trường THCS Trung Hải	Gio Linh			234a/QĐ-SKH-VX 30/10/2014	1.500	1.000		500	
	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>					<b>8.100</b>	<b>6.500</b>	<b>4.095</b>	<b>2.100</b>	
+	Trường Mầm non Vĩnh Long	Vĩnh Long			1785/QĐ-UBND 21/5/2013	3.100	2.000	850	600	

+	Trường Tiểu học Vĩnh Giang	Vĩnh Giang			2140/QĐ-UBND 18/6/2013	2.500	2.500	1.800	300	
+	Trường Tiểu học Kim Đồng	Hồ Xá			1783/QĐ-UBND ngày 21/5/2013	2.500	2.200	1.450	500	
+	Trường Mầm non Vĩnh Thành	Vĩnh Thành			2419/QĐ-UBND 15/7/2013	2.500	2.000	1.445	300	
+	Trường Tiểu học khu 4 Thạch, thị trấn Cửa Tùng					7.642		7.200	400	
	<b>Thành phố Đông Hà</b>					<b>16.000</b>	<b>9.000</b>	<b>0</b>	<b>3.500</b>	
+	Nhà đa chức năng trường Tiểu học Phan Bội Châu	Đông Hà		15 - 17	1851/QĐ-UBND 17/9/2014	3.846	3.000		1.000	Ngân sách thành phố
+	Trường Mầm Non Phường 4	Phường 4	5210 m <sup>2</sup>	15 - 17	2411/QĐ-UBND 30/10/2014	12.154	6.000		2.500	
	<b>Thị xã Quảng Trị</b>					<b>8.685</b>	<b>6.008</b>	<b>4.200</b>	<b>1.800</b>	
+	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	TX Quảng Trị	467 m <sup>2</sup>	12 - 13	1059/QĐ-UBND 28/12/2012	3.232	1.000	2.000	600	
+	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	Hải Lệ			753/QĐ-UBND 21/10/2013	1.308	1.308	400	200	
+	Trường Mầm non Hương Sen	TX Quảng Trị			214/QĐ-UBND ngày 09/4/2012	2.045	2.000	1.800	200	
+	Nhà hiệu bộ và nâng cấp khuôn viên Trường TH Kim Đồng	Hải Lệ			719/QĐ-UBND 30/10/2014	2.100	1.700		800	
<b>2</b>	<b>Y tế</b>					<b>27.363</b>	<b>19.925</b>	<b>18.000</b>	<b>3.690</b>	
	<b>Dự án hoàn thành</b>									
-	Cải tạo, mở rộng Phòng quản lý sức khỏe cán bộ	TP Đông Hà		13 - 14	67/QĐ-UBND 18/01/2013 816/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	6.395	6.395	3.900	1.900	
-	Trung tâm y tế dự phòng Gio Linh	Gio Linh	1062 m <sup>2</sup>		1073/QĐ-UBND 10/6/2011	12.130	8.130	10.800	490	

<b>b)</b>	<b>Hỗ trợ y tế xã theo Nghị quyết số 2d và Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>									
-	Trạm Y tế xã Trung Sơn - Gio Linh	Gio Linh	317 m <sup>2</sup>	2.011	1967/QĐ-UBND 08/7/2011	2.639	1.800	1.400	400	Hỗ trợ theo Nghị quyết số 2d
-	Trạm Y tế xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ	Cam Thanh			1565/QĐ-UBND	2.999	1.800	1.200	450	Hỗ trợ theo Nghị quyết số 2d
-	Trạm Y tế xã Triệu Đông, Triệu Phong	Triệu Đông			1477/QĐ-UBND 30/10/2013	3.200	1.800	700	450	Hỗ trợ theo Nghị quyết số 2d
<b>3</b>	<b>Phúc lợi xã hội</b>					<b>33.261</b>	<b>11.442</b>	<b>17.145</b>	<b>7.477</b>	
<b>Dự án hoàn thành trước 31/12/2014</b>										
-	Nhà làm việc công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Quảng Trị	Đông Hà	916 m <sup>2</sup>		863/QĐ-UBND 175/2/2012	6.010	5.000	2.900	2.100	Trả nợ
<b>Dự án hoàn thành</b>										
-	Nâng cấp, sửa chữa Rạp chiếu phim Đông Hà	Đông Hà			2155/QĐ-UBND 12/11/2013	1.825	1.825	800	900	
-	Sửa chữa hệ thống dàn mái khán đài A và sơn sửa khán đài A, B Sân vận động Đông Hà	Đông Hà			1954/QĐ-UBND 12/11/2013	4.217	4.217	1.350	1.400	
-	Nhà Thi đấu và luyện tập thể thao huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh			415/QĐ-UBND ngày 16/3/2009 1177/QĐ-UBND ngày 13/6/2014	17.057		14.995	700	
<b>Dự án khởi công mới</b>										
-	Nhà Văn hóa học tập cộng đồng xã Triệu Lăng	Triệu Phong			NQ 04/2012/NQ-HĐND 13/4/2012	3.907	2.900		1.000	+ 1.000 triệu đồng CT MTQG giảm nghèo
-	Thiết bị Nhà Văn hóa Thiếu nhi tỉnh	Đông Hà			333a/QĐ-SKH-VX 30/10/2014	500	500		377	
-	Xây dựng Cột bảng điện tử tại ngã tư đường Hùng Vương- Lý Thường Kiệt, Thành phố Đông Hà	Đông Hà			2347/QĐ-UBND 29/10/2014	5.755	2.000		1.000	Văn bản số 1040/UBND-TH ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh

**Phụ lục IV**  
**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC NSNN NĂM 2015**  
**Nguồn vốn phân cấp đầu tư trong cân đối và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã quản lý**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Huyện, thành phố, thị xã	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh phân cấp năm 2015	Trong đó		Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2015	Trong đó			Ghi chú
			Vốn phân bổ theo tiêu chí (1)	Vốn từ thu tiền sử dụng đất (2)			Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh phân cấp năm 2015 còn lại (3)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa làng xã (4)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng trường mầm non đạt chuẩn (5)	
1	2	3 = 4 + 5	4	5	6	7 = 8 + 9 + 10	8 = 3 - 6	9	10	11
	<b>Tổng số</b>	<b>136.660</b>	<b>60.160</b>	<b>76.500</b>	<b>1.500</b>	<b>139.560</b>	<b>135.160</b>	<b>2.700</b>	<b>1.700</b>	
1	Thành phố Đông Hà	49.984	9.984	40.000		50.484	49.984	300	200	
2	Thị xã Quảng Trị	6.201	4.201	2.000	150	6.451	6.051	300	100	
3	Huyện Hải Lăng	11.343	6.343	5.000	375	11.468	10.968	300	200	
4	Huyện Triệu Phong	16.428	6.428	10.000	300	16.628	16.128	300	200	
5	Huyện Gio Linh	9.572	6.572	3.000	150	9.922	9.422	300	200	
6	Huyện Vĩnh Linh	15.307	7.307	8.000	375	15.432	14.932	300	200	
7	Huyện Cam Lộ	7.795	3.795	4.000		8.295	7.795	300	200	
8	Huyện Đakrông	8.576	6.576	2.000		9.076	8.576	300	200	
9	Huyện Hướng Hóa	11.455	8.955	2.500	150	11.805	11.305	300	200	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	Bố trí từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu hạ tầng đơn vị hành chính mới chia tách và Biển Đông - hải đảo								

**Ghi chú:** (1) Vốn phân bổ theo tiêu chí thực hiện theo Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011 - 2015.

(2) Bao gồm 10% chi phí đo, vẽ bản đồ địa chính...

(3) Các huyện, thành phố, thị xã bố trí tối thiểu 20% vốn ngân sách tỉnh cân đối phân cấp để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo theo Nghị quyết của Quốc hội; lồng ghép các nguồn vốn để bảo đảm tỷ lệ hỗ trợ xây dựng hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới 30%; tập trung bố trí xử lý nợ đọng XDCCB; các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2015; các dự án chuyển tiếp khác để hoàn thành đảm bảo thời gian quy định; số vốn còn lại (nếu có) mới bố trí khởi công mới; chủ động cân đối bố trí đối ứng các dự án ODA do địa phương làm chủ đầu tư được quy định tại Khoản 4.2, Mục 4, Phần I Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND

(4) Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng thiết chế văn hóa làng xã theo Nghị quyết 04 và Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp)

(5) Ngân sách của tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã xây dựng trường mầm non đạt chuẩn theo Nghị quyết 13 của HĐND tỉnh (ngoài nguồn phân cấp).